TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ SÔNG CÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2021/DSST
Ngày : 08/12/2021
V/v Tranh chấp quyền sử Dng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- *THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Minh Nguyệt

2. Ông Lê Hải Nam

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vương Thị Th Lan – Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

- *Đại D VKSND tHnh phố Sông Công tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Sông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST- DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp quyền sử Dng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:46/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1943, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 12, phường Thắng Lợi, Tp Sông Công, Thái Nguyên

Đại D theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Sơn, sinh năm 1959, có mặt

Địa chỉ: Tổ 21, phường Phan Đình Phùng, THnh phố Thái Nguyên

***Bị đơn:** 1. Ông Lê Xuân M, sinh năm 1941, Vắng mặt

2. Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1947, vắng mặt

Đều trú tại: Tổ 12, phường Thắng Lợi, Tp Sông Công, Thái Nguyên

Đại D theo ủy quyền cho ông M:

1.Ông Lê Văn H, sinh năm 1963, có mặt

2. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1974, có mặt

Đều trú tại: Tổ 12, phường Thắng Lợi, Tp Sông Công, Thái Nguyên

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Vương Thị Tr, sinh năm 1945 (vợ ông M), vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1943 (vợ ông D), vắng mặt

Đều trú tại: TDP 12, phường T, Tp Sông Công, Thái Nguyên;

3 Ông Lê Văn H, sinh năm 1963 (con ông M), có mặt

4. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1974 (con ông M), có mặt

Đều trú tại: Tổ 12, phường T, Tp Sông Công, Thái Nguyên

5. UBND tHnh phố Sông Công, người đại D theo ủy quyền ông Ngô Tiến Minh, chức vụ phó trưởng phòng TN&MT tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn và người đại D theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc đất: Khoảng năm 1971 gia đình ông được địa phương giao đất để định cư. Khoảng năm 1977 gia đình làm nH tạm để ở. Năm 1991 ông Trịnh Văn D được cấp giấy CNQSD đất ngày 11/02/1991 do UBND thị xã Sông Công (nay là tHnh phố Sông Công) Thái Nguyên cấp tại thửa số 46, tờ bản đồ số 62-II, D tích 1244m^2 là đất thổ cư.Trình tự thủ tục cấp là do gia đình tự đi kê khai và làm thủ tục cấp, không có cán bộ đo đạc và dẫn đạc. Sau khi được cấp đất gia đình sử Dng ổn định không có tranh chấp. Trước khi gia đình ông đến ở trên thửa đất đó, thì gia đình của bà Trịnh Thị D và gia đình ông Lê Xuân M đã ở đấy từ trước, còn các gia đình khác ông không nắm được. Khoảng năm 2004, vì an ninh trật tự không được tốt nên gia đình ông xây tường rào ngăn cách giữa nH ông và nH bà D, ông M. Khi gia đình ông xây tường rào ông không có thông báo gì với các gia đình liền kề, không ai có ý kiến gì về việc đó. Ông xây tường rào ngăn cách ranh giới trong phạm vi đất gia đình đang sử Dng, vì bên giáp ranh với D tích đất nH ông M còn một phần D tích đất nữa, nhưng do đất giáp phần bụi tre nH ông M rễ tre nhiều, đất cứng khó đào nên gia đình ông có xây lùi vào phần đất của gia đình ông đang quản lý, sử Dng.

Năm 2014 gia đình ông xin cấp phép xây dựng để làm nH kiên cố thì phát hiện gia đình ông M và gia đình bà D là Hng xóm liền kề có lấn sang phần D tích đất thổ cư của gia đình ông. Gia đình ông đã trao đổi với ông M và bà D để giải quyết tranh chấp đất nêu trên nhưng không thống nhất được nên đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án tHnh phố Sông Công để giải quyết.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết xác định lại ranh giới theo bản đồ địa chính giữa gia đình ông với gia đình bà D, ông M và buộc gia đình ông M trả cho gia đình tôi phần đất lấn chiếm là 161m^2.

Đối với việc gia đình bà Trịnh Thị D có lấn chiếm của gia đình ông là 40m^2, giữa ông và bà D đã thỏa thuận được với nhau. Gia đình ông xác định ranh giới giữa gia đình nH ông và gia đình bà D là tường rào xây bằng gạch chỉ,

do gia đình nH ông (D) xây, sau này giữa hai gia đình sẽ không có yêu cầu tranh chấp gì, ngày 08/10/2021 ông đã rút đơn khởi kiện đối với bà D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Xuân M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía ông M (đồng thời cũng là người đại D theo ủy quyền của ông M) trình bày:

Về nguồn gốc đất: Gia đình nH ông Lê Xuân M được giao đất năm 1960, gia đình đến xây nH tạm để ở, lúc gia đình ra ở thì gia đình ông D chưa đến ở. Năm 1972, gia đình ông D đến làm nH ở và sinh sống tại đó. Năm 1991 kê khai để cấp giấy CNQSD đất do UBND thị xã Sông Công (nay là tHnh phố Sông Công) Thái Nguyên cấp ngày 11/02/1991 tại thửa số 44, tờ bản đồ 62-II, D tích 1.816m2 có địa chỉ tại phường Thắng Lợi, Tp Sông Công, Thái Nguyên. Việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử Dng đất gia đình ông cũng không trực tiếp kê khai, không chỉ giới và cũng không có người dẫn đạc.

Về ranh giới giáp ranh của thửa đất, trước đây khi gia đình ông D chưa đến ở là Hng rào tre do gia đình ông (M) trồng. Năm 1972, gia đình ông D đến ở, nH ông (M) và ông D thỏa thuận chặt cây tre đi để trồng Hng rào găng làm ranh giới giữa hai gia đình. Khoảng năm 1988 – 1989, gia đình ông D phá Hng rào găng, xây bờ tường gạch làm ranh giới. NH ông D tự xây Hng rào trên đất của gia đình mình, không gọi gia đình ông ra chứng kiến và gia đình ông cũng nhất trí không có ý kiến gì. Hai gia đình đã ở ổn định, đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp. Nay gia đình ông D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, buộc gia đình ông trả lại phần đất lấn chiếm là 161m^2, gia đình ông xác định không lấn chiếm, vì gia đình chúng tôi đã ở ổn định trên thửa đất trên, nên ông không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với kết quả thẩm định, định giá và đo đạc do Công ty H Nguyên Châu đo tháng 12/2020, ông và gia đình nhất trí, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày: Bà nhất trí với ý kiến trình bày của ông Trịnh Văn D. Đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Lê Xuân M phải trả lại 161m^2 đất đã lấn chiếm cho gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tr trình bày: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tHnh phố Sông Công, đại D theo ủy quyền* Ông Ngô Tiến Minh trình bầy: Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình ông Trịnh Văn D, Lê Xuân M và bà Trịnh Thị D đã thực hiện đúng hồ sơ kê khai, đúng thông tin bản đồ địa chính và được ghi vào sổ địa chính. Đối với thửa số 46 tờ bản đồ 6-II đã được cấp GCN D tích 1244m^2 nhưng có sai số D tích, D tích tính lại theo ranh giới bản đồ địa chính số hóa là 1593,07m^2, nếu gia đình ông D đề nghị cấp lại theo ranh giới bản đồ địa chính

(đang có tranh chấp) thì chưa được giải quyết cho đến khi việc sử Dng đất ổn định không có tranh chấp hoặc thực hiện kết quả giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định.

Đối với phần D tích đất đang tranh chấp tại thửa số 46 tờ bản đồ 6-II của hộ ông Trịnh Văn D đối chiếu với kết quả đo của Tòa án. Do thửa đất đang có tranh chấp chưa được giải quyết, cho đến khi việc sử Dng đất ổn định không có tranh chấp hoặc thực hiện kết quả giải quyết tranh chấp đất đai. Theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 *"...Trường hợp có sự chênh lệch D tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử Dng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử Dng đất, không có tranh chấp với những người sử Dng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử Dng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất D tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Người sử Dng đất không phải nộp tiền sử Dng đất đối với phần D tích chênh lệch nhiều hơn nếu có...". Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa vị đại D Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp Hnh đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xét xử theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn D về việc yêu cầu gia đình ông Lê Xuân M phải trả lại 161m^2 đất cây lâu năm, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II phường Thắng lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Buộc gia đình ông Lê Xuân M phải trả lại cho ông Trịnh Văn D 161m^2 đất cây lâu năm, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II phường Thắng lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. (có trích lục thửa đất kèm theo, các cạnh cụ thể theo các điểm 8,7,6,5,4,3,25,24,8).

Đối với cây trên phần đất tranh chấp gồm có 01 cây Vải, 02 cây Nhãn, 01 cây Lát do gia đình ông M trồng, buộc ông M có trách nhiệm thu hoạch trả lại phần đất cho gia đình ông Trịnh Văn D. Phần tường xây tại phần đất tranh chấp phía giáp đường dân sinh do ông M xây đề nghị gia đình ông M dỡ bỏ trả lại phần đất cho gia đình ông Trịnh Văn D.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn D đối với bà Trịnh Thị D, về việc yêu cầu bà D phải trả lại 40m^2 đất cây lâu năm, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II phường Thắng lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Xuân M phải chịu 7.000.000đồng tiền chi phí thẩm định, định giá, số tiên này ông M có trách nhiệm trả lại cho ông D. Ông D được nhận số tiền 7.000.000đồng do ông M hoàn trả.

Ghi nhận việc ông Trịnh Văn D chịu toàn bộ chi phí đo đạc đối với Công ty TNHH H Nguyên Châu.

5.Ông Lê Xuân M phải chịu án phí sơ thẩm dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên do ông là người cao tuổi, nên căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử Dng án phí, và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông M. Hoàn trả ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và nghe đương sự trình bày, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ theo pháp luật của đương sự Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện dân sự về việc tranh chấp quyền sử Dng đất, bị đơn ông Lê Xuân M và bà Trịnh Thị D đều có địa chỉ tại tổ 12, phường Thắng Lợi, tHnh phố Sông Công, theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố Sông Công.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện đối với bị đơn bà Trịnh Thị D, về việc yêu cầu bà D phải trả lại 40m^2 đất lấn chiếm và phía bà D cũng nhất trí. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: là bà Tr, bà D, ông Minh đại D theo ủy quyền cho UBND tHnh phố Sông Công đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Ông Trịnh Văn D khởi kiện, yêu cầu ông Lê Xuân M phải trả lại 161m^2 đất cây lâu năm, nằm trong thửa đất số 46, tờ bản đồ địa chính 62-II có địa chỉ tại tổ 12, phường Thắng Lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, đã được UBND thị xã Sông Công (nay là tHnh phố Sông Công) cấp giấy chứng nhận quyền sử Dng đất số A232253 ngày 11/02/1991 mang tên ông Trịnh Văn D. Căn cứ khởi kiện là 01 Giấy CNQSD đất số A232253 ngày 11/02/1991 và bản đồ địa chính của thửa đất số 46 tại tờ bản đồ địa chính 62-II.

Bị đơn ông Lê Văn M không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: Gia đình ông đã sử Dng đất ổn định, có ranh giới mốc giới rõ ràng, không phát sinh tranh chấp. Tường gạch chỉ để xác định ranh giới đất giữa hai gia đình, là do chính phía nguyên đơn xây dựng từ năm 1989 và sử Dng cho đến nay, không có sự thay đổi, nên việc ông D làm đơn yêu cầu gia đình ông phải trả 161m^2 đất là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: D tích 161m^2 đất mà các bên đương sự đang tranh chấp là nằm trong thửa đất số 46, tờ bản đồ địa chính số 62-II phường Thắng Lợi, tHnh phố Sông Công đã được cấp QSD đất cho ông Trịnh Văn D từ năm 1991.

[3.2] D tích đất ông Trịnh Văn D được cấp tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II là 1244m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 844m^2 đất cây lâu năm). Kết quả kiểm tra hiện trạng sử Dng đất của Tòa án, thì phần D tích đất ông D đang sử Dng là tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II là 1445m^2.

Đất của gia đình ông Lê Xuân M được cấp năm 1991, tại thửa đất số 44 tờ bản đồ 62-II, D tích 1816m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1416m^2 đất cây lâu năm). Kết quả kiểm tra hiện trạng sử Dng đất của Tòa án, D tích đất này nằm toàn bộ tại thửa đất số 44 tờ bản đồ địa chính 62-II là 2314m^2.

Theo bản đồ địa chính số hóa, được quản lý tại chính quyền địa phương thì D tích tính lại theo ranh giới của thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II là 1593,07m^2. Phần đất tranh chấp 161m^2 nằm hoàn toàn trong thửa đất số 46.

[4] Như vậy, có thể khẳng định 161m^2 tranh chấp đã được giao cho ông D tại thửa số 46 tờ BĐĐC từ năm 1991. Phía ông D xác định phần đất 161m^2 là do gia đình tự để lại khi xây tường rào năm 2004 vì trên đất vẫn còn các gốc tre và rễ tre, đó là quyền tự định đoạt của chủ sử Dng đất nên cũng có cơ sở để chấp nhận. điều đó hoàn toàn phù hợp với đơn xin đăng ký quyền sử Dng đất ngày 12/5/ 1989 của ông Trịnh Văn D tại thửa đất số 46- TBĐ 62-II cũng thể hiện có phần bao tre D tích là 144 m^2 và lời trình bầy của đại D của bị đơn tại phiên tòa, hơn nữa phía gia đình nH ông M cũng khẳng định gia đình ông chưa bao giờ được giao đất tại thửa 46, tờ bản đồ 62-II cho gia đình ông M. Việc ông M trình bày, gia đình ông là người sử Dng 161m^2 đất, kể từ khi ông D xây Hng rào để xác định ranh giới đất giữa hai nH, đến nay đã được 60 năm, không có nghĩa đất đó thuộc quyền sử hữu của ông. Ngoài ra hiện trạng sử Dng đất của ông M, chưa cộng phần D tích đất tranh chấp đã tăng nhiều so với phần D tích được cấp năm 1991(D tích được cấp 1816m^2, hiện trạng sử Dng là 2314m^2). Mặt khác phía ông M cũng không có bất kỳ tài liệu nào để chứng minh phần D tích 161m^2 này là của ông.

Từ những phân tích trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Lê Xuân M phải trả lại cho ông Trịnh Văn D 161m^2 đang lấn chiếm. Đối với cây trên phần đất tranh chấp gồm có 01 cây Vải, 02 cây Nhãn, 01 cây Lát do ông M trồng, nên cần buộc ông M phải có trách nhiệm thu hoạch trả lại phần đất cho gia đình ông Trịnh Văn D. Phần tường xây tại vị trí đất tranh chấp phía giáp đường dân sinh có chiều dài 7,74 m do ông M xây cần buộc gia đình ông M dỡ bở trả lại phần đất cho gia đình ông Trịnh Văn D.

[5] Về chi phí tố tụng: Số tiền thẩm định, định giá phía ông D đã nộp tạm ứng là 7.000.000đồng. Theo biên bản Th quyết toán ngày 11/12/2020 thì số tiền tạm ứng đã chi phí hết, ông D nhất trí. Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận, nên ông M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này và có trách nhiệm hoàn trả số tiền 7.000.000đồng cho ông D.

Ghi nhận việc ông Trịnh Văn D chịu toàn bộ chi phí đo đạc đối với Công ty TNHH H Nguyên Châu.

[6] Án phí: Ông Lê Xuân M phải chịu án phí sơ thẩm dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên do ông là người cao tuổi, nên căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử Dng án phí, và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông M. Hoàn trả ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại D Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 157, 165, 227, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai sửa đổi năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử Dng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn D về việc yêu cầu gia đình ông Lê Xuân M phải trả lại 161m^2 đất cây lâu năm, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II phường Thắng lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

2. Buộc gia đình ông Lê Xuân M phải trả lại cho ông Trịnh Văn D 161m^2 đất cây lâu năm, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ địa chính 62-II phường Thắng lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.(có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo, các cạnh cụ thể theo các điểm 8,7,6,5,4,3,25,24,8).

Đối với cây trên phần đất tranh chấp gồm có 01 cây Vải, 02 cây Nhãn, 01 cây Lát do gia đình ông M trồng, buộc ông M có trách nhiệm thu hoạch trả lại phần đất cho gia đình ông Trịnh Văn D.

Phần tường xây tại phần đất tranh chấp phía giáp đường dân sinh có chiều dài 7,74 m (theo bản trích đo hiện trạng thửa đất tại các điểm 8,24,25) do ông M xây buộc gia đình ông M dỡ bở trả lại phần đất cho gia đình ông Trịnh Văn D.

3.Các bên đương sự có quyền yêu cầu cơ quan nH nước có thẩm quyền điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử Dng đất theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Đề nghị cơ quan NH nước có thẩm quyền điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử Dng đất của ông Trịnh Văn D theo quy định của pháp luật.

4.Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn D đối với bà Trịnh Thị D, về việc yêu cầu bà D phải trả lại 40m^2 đất cây lâu năm, tại thửa đất số 46 tờ

bản đồ địa chính 62-II phường Thắng lợi, tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

5.Về chi phí tố tụng: Ông Lê Xuân M phải chịu 7.000.000đồng tiền chi phí thẩm định, định giá, số tiên này ông M có trách nhiệm trả lại cho ông D. Ông D được nhận số tiền 7.000.000đồng do ông M hoàn trả.

Ghi nhận việc ông Trịnh Văn D chịu toàn bộ chi phí đo đạc đối với Công ty TNHH H Nguyên Châu.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông D có đơn yêu cầu thi Hnh án, ông M không tự nguyện thi Hnh án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Xuân M. Ông Trịnh Văn D được nhận lại 300.000đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0008084 ngày 23/11/2020 của Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND Tỉnh TN;
- VKSND TPSCTN;
- Chi cục THADS TPSCTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Bình